

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 188/2026/KDTM-PT

Ngày: 19/9/2026

V/v: *Tranh chấp nghĩa vụ thanh
toán theo Hợp đồng.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Ông Bùi Đức Bằng**

Các Thẩm phán: **Bà Nguyễn Bích Hạnh**

Bà Dương Tuyết Mai

- Thư ký phiên toà: **Ông Nguyễn Văn Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:

Bà Phan Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 19/9/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 125/2026/KDTM-TLPT ngày 10/8/2026 về việc “*Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 52/2026/KDTM-ST ngày 02/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 6, thành phố Hà Nội bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 642/2026/QĐXX-PT ngày 20/8/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 721/2026/QĐ-PT ngày 04/9/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần E1

Trụ sở: Lô S, khu Công nghiệp Q, xã Q, Hà Nội.

Văn phòng giao dịch: Số B T, phường K, Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Cảnh H – Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Kim Á, ông Lê Quốc D và bà Trần Thị Ngọc Á1 (theo giấy ủy quyền số UQ50-B-PC ngày 29/5/2026) (**bà Trần Thị Ngọc Á1 có mặt**).

Địa chỉ liên hệ: Tầng D Tòa nhà E, số B T, phường K, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Công ty cổ phần E1

Địa chỉ : Tổ B, B, phường P, thành phố Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Đình T – Giám đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

1.1. Công ty cổ phần E1 và Công ty cổ phần E1 (sau đây viết tắt là Công ty E1) đã ký các hợp đồng sau đây:

1/ Ngày 04/12/2015, E cùng Công ty E1 ký kết Hợp đồng kinh tế số 15104375/2015/HĐKT (1516100/15104375/DA) về việc Eurowindow cung cấp và lắp đặt các sản phẩm cửa E cho Công ty E1 để lắp đặt, trang bị cho công trình: Trụ sở làm việc công an phường X, địa chỉ: Đ, phường X, T, Hà Nội.

- Thông số kỹ thuật, quy cách, chất lượng, số lượng và giá cả từng loại sản phẩm hai bên thỏa thuận làm cơ sở cho Công ty E1 sản xuất bàn giao sản phẩm cho Công ty E1 được hai bên ký xác nhận trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng kèm theo.

- Tổng giá trị hợp đồng: 167.549.972 đồng, đã bao gồm thuế GTGT.

- Tiến độ thanh toán: Việc thanh toán được thỏa thuận chia thành 04 đợt như sau:

+ Đợt 1: Công ty E1 tạm ứng cho E1 30% Tổng giá trị hợp đồng, tương đương số tiền làm tròn là 51.000.000 đồng, trong vòng 05 ngày kể từ khi ký Hợp đồng.

+ Đợt 2: Sau khi E giao hàng cho Công ty E1 được 100% số lượng sản phẩm theo quy định tại khoản 1.2 của Hợp đồng, nhưng chưa tiến hành lắp đặt thì Công ty E1 thanh toán tiếp cho Eurowindow 40% tổng giá trị Hợp đồng, tương đương số tiền làm tròn là 68.000.000 đồng.

+ Đợt 3: Sau khi Eurowindow lắp đặt xong nhưng chưa hoàn thiện, Công ty E1 thanh toán tiếp cho Bên B 20% tổng giá trị hợp đồng tương đương với số tiền làm tròn là: 34.000.000 đồng.

+ Đợt 4: Sau khi hai Bên hoàn thành việc nghiệm thu lắp đặt sản phẩm theo quy định tại khoản 4.2, Điều 4, Hợp đồng này, Công ty E1 sẽ thanh toán giá trị còn lại theo khối lượng thực tế ghi trong biên bản nghiệm thu và thanh quyết toán công trình.

- Xử lý chậm thanh toán: tiết 2.4.1, Khoản 2.4, Điều 2 của Hợp đồng quy định:

Việc Công ty E1 chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán bất kỳ một khoản thanh

toán nào quy định tại tiết 2.2.1, khoản 2.2, Điều 2 Hợp đồng này sẽ được giải quyết như sau: *Nếu Công ty E1 không thanh toán đủ và đúng hạn ghi trong Hợp đồng, Công ty E1 sẽ phải trả lãi chậm thanh toán với lãi suất 0,05%/ngày được tính cho mỗi ngày chậm trễ trên tổng số tiền đến hạn thanh toán.*

- Ngày 08/9/2016, E và Công ty E1 đã ký Biên bản nghiệm thu và thanh quyết toán công trình công trình số 15104375/2016/HĐKT (1516100/15104375/DA):

- Số tiền Công ty E1 phải thanh toán: 192.822.450 đồng.
- Số tiền Công ty E1 đã thanh toán: 89.000.000 đồng.
- Số tiền Công ty E1 còn phải thanh toán: **103.822.450 đồng.**

Theo Hợp đồng đã ký giữa hai bên, trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày Công ty E1 ký biên bản nghiệm thu quyết toán công trình, Công ty E1 sẽ phải thanh toán nốt giá trị còn lại theo khối lượng thực tế đã được E thực hiện và nêu trong phần II của Biên bản nghiệm thu quyết toán công trình.

2/ Ngày 21/09/2016, E cùng Công ty E1 ký kết Hợp đồng kinh tế số 1617427/16103094/DA về việc E cung cấp và lắp đặt các sản phẩm cửa sổ, cửa đi, vách ngăn cho Công ty E1 để lắp đặt, trang bị cho công trình: Trụ sở làm việc công an thị trấn V, N, T, Hà Nội có địa chỉ tại: Thị trấn V, N, T, Hà Nội.

- Thông số kỹ thuật, quy cách, chất lượng, số lượng và giá cả từng loại sản phẩm hai bên thỏa thuận làm cơ sở cho Eurowindow sản xuất bàn giao sản phẩm cho Công ty E1 được hai bên ký xác nhận trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng kèm theo.

- Tổng giá trị hợp đồng: 212.632.199 đồng, đã bao gồm thuế GTGT.

- Tiến độ thanh toán: Việc thanh toán được thỏa thuận chia thành 03 đợt như sau:

+ Đợt 1: Công ty E1 tạm ứng cho E1 40% tổng giá trị hợp đồng, tương đương số tiền làm tròn là 85.000.000 đồng, trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi ký Hợp đồng.

+ Đợt 2: Sau khi E giao hàng cho Công ty E1 được 100% và lắp đặt sơ bộ được 30 bộ cửa theo quy định tại khoản 1.2 của Hợp đồng, Công ty E1 thanh toán tiếp cho Eurowindow 40% tổng giá trị Hợp đồng, tương đương số tiền làm tròn là 85.000.000 đồng.

+ Đợt 3: Sau khi hai Bên hoàn thành việc nghiệm thu lắp đặt sản phẩm theo quy định tại khoản 4.2, Điều 4 Hợp đồng này, Công ty E1 sẽ thanh toán giá trị còn lại theo khối lượng thực tế ghi trong biên bản nghiệm thu và thanh quyết toán công trình.

- Xử lý chậm thanh toán: tiết 2.4.1, Khoản 2.4, Điều 2 của Hợp đồng quy định:

Việc Công ty E1 chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với bất kỳ khoản thanh toán nào quy định tại tiết 2.2.1, khoản 2.2, Điều 2 Hợp đồng này sẽ được giải quyết như sau: *Nếu Công ty E1 không thanh toán đủ, đúng hạn bất kỳ khoản thanh toán nào quy định trong Hợp đồng này, Công ty E1 sẽ phải trả lãi chậm thanh toán với lãi suất 0,05%/ngày được tính cho mỗi ngày chậm trễ trên tổng số tiền đến hạn thanh toán.*

Ngày 25/02/2017, E và Công ty E1 đã ký Biên bản nghiệm thu và thanh quyết toán công trình công trình số 1617427/16103094/DA:

- Số tiền Công ty E1 phải thanh toán: 212.632.199 đồng.
- Số tiền Công ty E1 đã thanh toán: 170.000.000 đồng.
- Số tiền Công ty E1 còn phải thanh toán: **42.632.199 đồng.**

Theo Hợp đồng đã ký giữa hai bên, trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày Công ty E1 ký biên bản nghiệm thu quyết toán công trình, Công ty E1 sẽ phải thanh toán nốt giá trị còn lại theo khối lượng thực tế đã được E thực hiện và nêu trong phần II của Biên bản nghiệm thu quyết toán công trình.

3/ Ngày 21/01/2018, E cùng Công ty E1 ký kết Hợp đồng Mua bán số 1810053/16103097/DA về việc E cung cấp và lắp đặt các sản phẩm cửa sổ, cửa đi, vách ngăn cho Công ty E1 để lắp đặt, trang bị cho công trình: Đồn Công an V, có địa chỉ tại: V, P, Hà Nội.

- Thông số kỹ thuật, quy cách, chất lượng, số lượng và giá cả từng loại sản phẩm hai bên thỏa thuận làm cơ sở cho bên B sản xuất bàn giao sản phẩm cho Bên A được hai bên ký xác nhận trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng kèm theo.

- Tổng giá trị hợp đồng: 203.881.804 đồng, đã bao gồm thuế GTGT).

- Tiến độ thanh toán: Việc thanh toán được thỏa thuận chia thành 03 đợt như sau:

+ Đợt 1: Công ty E1 tạm ứng cho E1 40% tổng giá trị hợp đồng, tương đương số tiền làm tròn là 82.000.000 đồng, trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi ký Hợp đồng.

+ Đợt 2: Sau khi E giao hàng cho Công ty E1 được 100% và lắp đặt sơ bộ được 30 bộ cửa theo quy định tại khoản 1.2 của Hợp đồng, Công ty E1 thanh toán tiếp cho Eurowindow 40% tổng giá trị Hợp đồng, tương đương số tiền làm tròn là 82.000.000 đồng.

+ Đợt 3: Sau khi hai Bên hoàn thành việc nghiệm thu lắp đặt sản phẩm theo

quy định tại khoản 4.2, Điều 4 Hợp đồng này, Công ty E1 sẽ thanh toán giá trị còn lại theo khối lượng thực tế ghi trong biên bản nghiệm thu và thanh quyết toán công trình.

- Xử lý chậm thanh toán: điểm a, tiết 2.2.7, khoản 2.2, Điều 2 của Hợp đồng quy định:

Việc Công ty E1 chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với bất kỳ khoản thanh toán nào quy định tại tiết 2.2.1, khoản 2.2, Điều 2 Hợp đồng này sẽ được giải quyết như sau: *Nếu Công ty E1 không thanh toán đủ, đúng hạn bất kỳ khoản thanh toán nào quy định trong Hợp đồng này, Công ty E1 sẽ phải trả lãi chậm thanh toán với lãi suất 0,1%/ngày (không phải một phần trăm trên một ngày) được tính cho mỗi ngày chậm trễ trên tổng số tiền đến hạn thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế.* Nhưng trên thực tế Eurowindow chỉ tính lãi suất 0,05%/ngày.

Ngày 14/12/2018, E và Công ty E1 đã ký Biên bản nghiệm thu và thanh quyết toán công trình (BL28) công trình số 1810053/16103097/DA:

- Số tiền Công ty E1 phải thanh toán: 203.881.804 đồng.
- Số tiền Công ty E1 phải thanh toán theo TTSA: 200.978.977 đồng.
- Số tiền Công ty E1 đã thanh toán: 82.000.000 đồng
- Số tiền Công ty E1 còn phải thanh toán: **118.978.977 đồng.**

Theo Hợp đồng đã ký giữa hai bên, trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày Công ty E1 ký biên bản nghiệm thu quyết toán công trình, Công ty E1 sẽ phải thanh toán nốt giá trị còn lại theo khối lượng thực tế đã được E thực hiện và nêu trong phần II của Biên bản nghiệm thu quyết toán công trình.

1.2 Quá trình thực hiện hợp đồng

Thực hiện đúng các hợp đồng đã cam kết, E đã cung cấp hàng hóa và thi công lắp đặt theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng, E đã hoàn thành toàn bộ phạm vi công việc theo Hợp đồng. Các Bên đã ký kết Biên bản nghiệm thanh quyết toán công trình, cụ thể như sau:

1/ Hợp đồng số 15104375/2015/HĐKT (1516100/15104375/DA) ngày 04/12/2015:

Tổng giá trị Hợp đồng theo khối lượng sản phẩm thực tế Eurowindow cung cấp, lắp đặt cho công trình được Công ty E1 nghiệm thu và chấp nhận thanh toán là: **192.822.450 đồng** theo Biên bản nghiệm thu & thanh quyết toán công trình số 15104375/2016/HĐKT (1516100/15104375/DA) ngày 08/9/2016.

Công ty E1 đã thanh toán cho E lần lượt các lần như sau:

- Lần 1: Ngày 12/05/2016 thanh toán 59.000.000 đồng;
- Lần 2: Ngày 09/6/2016 thanh toán 30.000.000 đồng, còn nợ số tiền 103.822.450 đồng.
- Lần 3: Ngày 24/01/2017 thanh toán 80.521.455 đồng, còn nợ số tiền 23.300.995 đồng.
- Lần 4: Ngày 04/02/2026 thanh toán 6.666.667 đồng, còn nợ số tiền 16.634.328 đồng.
- Lần 5: Ngày 02/04/2026 thanh toán 10.000.000 đồng, còn nợ số tiền 6.634.328 đồng.

Như vậy, Công ty E1 còn phải thanh toán tiền nợ gốc cho E là: **6.634.328 đồng**.

Từ ngày 14/9/20216 (sau 05 ngày kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu) đến nay, Công ty E1 nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty E1 còn phải thanh toán số tiền lãi chậm thanh toán, như sau:

- Từ ngày 14/09/2016 đến ngày 23/01/2017: $103.822.450 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 131 \text{ ngày} = 6.800.370 \text{ đồng}$.
- Từ ngày 24/01/2017 đến ngày 03/2/2026: $23.300.995 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 3.297 \text{ ngày} = 38.411.690 \text{ đồng}$.
- Từ ngày 04/2/2026 đến ngày 01/4/2026: $16.634.328 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 56 \text{ ngày} = 465.761 \text{ đồng}$.
- Từ ngày 02/4/2026 đến ngày 02/6/2026: $6.634.328 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 61 \text{ ngày} = 202.347 \text{ đồng}$

Tổng tiền lãi chậm thanh toán: $6.800.370 \text{ đồng} + 38.411.690 \text{ đồng} + 465.761 \text{ đồng} + 202.347 \text{ đồng} = \mathbf{45.880.168 \text{ đồng}}$.

2/ *Hợp đồng số 1617427/16103094/DA ngày 21/09/2016:*

Tổng giá trị Hợp đồng theo khối lượng sản phẩm thực tế Eurowindow cung cấp, lắp đặt cho công trình được Công ty E1 nghiệm thu và chấp nhận thanh toán là: **212.632.199 đồng** (hai trăm mười hai triệu, sáu trăm ba mươi hai nghìn, một trăm chín mươi chín đồng) theo Biên bản nghiệm thu và thanh quyết toán (BL55) công trình số 1617427/16103094/DA ngày 25/02/2017.

Công ty E1 đã thanh toán cho E lần lượt các lần như sau:

- Lần 1: Ngày 15/9/2016 thanh toán: 85.000.000 đồng;
- Lần 2: Ngày 22/11/2016 thanh toán 85.000.000 đồng, còn nợ số tiền 42.632.199 đồng.

- Lần 3: Ngày 04/2/2026 thanh toán: 6.666.667 đồng, còn nợ số tiền 35.965.532 đồng.

- Lần 4: Ngày 02/4/2026 thanh toán: 10.000.000 đồng, còn nợ số tiền 25.965.532 đồng.

Như vậy Công ty E1 còn phải thanh toán cho E số tiền nợ gốc là **25.965.532 đồng**.

Từ ngày 03/3/2017 (*sau 05 ngày kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu*) đến nay, Công ty E1 nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty E1 còn phải thanh toán số tiền lãi chậm thanh toán tạm tính như sau:

- Từ ngày 03/03/2017 đến ngày 03/02/2026: $42.632.199 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 3.259 \text{ ngày} = 69.469.168 \text{ đồng}$.

- Từ ngày 04/02/2026 đến ngày 01/4/2026: $35.965.532 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 56 \text{ ngày} = 1.007.035 \text{ đồng}$.

- Từ ngày 02/4/2026 đến ngày 02/6/2026: $25.965.532 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 61 \text{ ngày} = 791.949 \text{ đồng}$.

Tổng tiền lãi chậm thanh toán: $69.469.168 \text{ đồng} + 1.007.035 \text{ đồng} + 791.949 \text{ đồng} = \mathbf{71.268.152 \text{ đồng}}$.

3/ Hợp đồng số 1810053/16103097/DA ngày 21/1/2018:

Tổng giá trị Hợp đồng theo khối lượng sản phẩm thực tế Eurowindow cung cấp, lắp đặt cho công trình được Công ty E1 nghiệm thu và chấp nhận thanh toán là: **200.978.977 đồng** theo Biên bản nghiệm thu và thanh quyết toán (BL28) công trình số 1810053/16103097/DA ngày 14/12/2018.

Công ty E1 đã thanh toán cho E lần lượt các lần như sau:

- Lần 1: Ngày 13/9/2018 thanh toán: 82.000.000 đồng, còn nợ số tiền 118.978.977 đồng.

- Lần 2: Ngày 20/01/2020 thanh toán 14.239.414 đồng, còn nợ số tiền 104.739.563 đồng.

- Lần 3: Ngày 04/2/2026 thanh toán: 6.666.667 đồng, còn nợ số tiền 98.072.896 đồng.

- Lần 4: Ngày 02/4/2026 thanh toán: 10.000.000 đồng, còn nợ số tiền 88.072.896 đồng.

Như vậy, Công ty E1 còn phải thanh toán cho E số tiền nợ gốc là **88.072.896 đồng**.

Từ ngày 20/12/2018 (sau 05 ngày kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu) đến nay, Công ty E1 nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty E1 còn phải thanh toán số tiền lãi chậm thanh toán tạm tính như sau:

- Từ ngày 20/12/2018 đến ngày 19/01/2020: $118.978.977 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 395 \text{ ngày} = 23.498.348 \text{ đồng}$.

- Từ ngày 20/01/2020 đến ngày 03/2/2026: $104.739.563 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 2.206 \text{ ngày} = 115.527.738 \text{ đồng}$.

- Từ ngày 04/2/2026 đến ngày 01/4/2026: $98.072.896 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 56 \text{ ngày} = 2.746.041 \text{ đồng}$.

- Từ ngày 02/4/2026 đến ngày 02/6/2026: $88.072.896 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 62 \text{ ngày} = 2.886.223 \text{ đồng}$.

Tổng tiền lãi chậm thanh toán: $23.498.348 \text{ đồng} + 115.527.738 \text{ đồng} + 2.746.041 \text{ đồng} + 2.886.223 \text{ đồng} = \mathbf{144.458.350 \text{ đồng}}$.

1.3. Việc Công ty E1 không thanh toán theo cam kết đã gây thiệt hại về kinh tế cho E, xâm phạm các quyền và lợi ích hợp pháp của E. Căn cứ các hợp đồng đã ký, công việc đã thực hiện và quy định pháp luật hiện hành, E đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

1/ Buộc Công ty E1 phải thanh toán cho E số tiền nợ gốc và lãi chậm thanh toán của 03 (ba) Hợp đồng tạm tính đến ngày 02/6/2026 (ngày xét xử sơ thẩm) là **382.279.427 đồng**, trong đó:

- Tổng tiền nợ gốc là: **120.672.757 đồng**.

- Tổng số tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến 02/6/2026 là: **261.606.671 đồng**.

2/ Buộc Công ty E1 còn phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất 0,05%/ngày cho đến khi thanh toán hết nợ gốc trên thực tế.

2. Bị đơn - Công ty cổ phần E1 trình bày:

Công ty E1 thừa nhận nội dung khởi kiện và trình bày của E trong suốt quá trình giải quyết vụ án là hoàn toàn chính xác. Công ty E1 có ký 03 Hợp đồng đúng như E đã trình bày, bao gồm:

1/ Ngày 04/12/2015, Công ty E1 cùng Công ty E1 ký kết Hợp Kinh tế số 15104375/2015/HĐKT (1516100/15104375/DA) về việc Eurowindow cung cấp và lắp đặt các sản phẩm cửa E cho Bên A để lắp đặt, trang bị cho công trình: Trụ sở làm việc công an phường X, địa chỉ: Đ, phường X, T, Hà Nội.

2/ Ngày 21/09/2016, Công ty E1 cùng Công ty E1 ký kết Hợp đồng kinh tế số 1617427/16103094/DA về việc E cung cấp và lắp đặt các sản phẩm cửa sổ, cửa đi, vách ngăn cho Bên A để lắp đặt, trang bị cho công trình: Trụ sở làm việc công an thị trấn V, N, T, Hà Nội địa chỉ: Thị trấn V, N, T, Hà Nội.

3/ Ngày 21/01/2018, Công ty E1 cùng Công ty E1 ký kết Hợp đồng Mua bán số 1810053/16103097/DA về việc E cung cấp và lắp đặt các sản phẩm cửa sổ, cửa đi, vách ngăn cho Bên A để lắp đặt, trang bị cho công trình: Đồn Công an V, địa chỉ: V, P, Hà Nội.

Quá trình thực hiện các hợp đồng và thanh toán các khoản nợ, Công ty E1 còn chưa thanh toán cho E số tiền gốc của 03 Hợp đồng nêu trên với tổng số tiền là **120.672.757 đồng**, cụ thể:

- Chưa thanh toán nợ gốc của Hợp đồng số 15104375/2015/HĐKT (1516100/15104375/DA) ngày 04/12/2015 là **6.634.328 đồng**.

- Chưa thanh toán nợ gốc của Hợp đồng số 1617427/16103094/DA ngày 21/09/2016 là **25.965.532 đồng**.

- Chưa thanh toán nợ gốc của Hợp đồng số 1810053/16103097/DA, ngày 21/1/2018 là **88.072.896 đồng**.

Do Công ty E1 đang gặp khó khăn trong hoạt động kinh doanh nên Công ty E1 xin không phải trả toàn bộ số tiền lãi mà E yêu cầu phải thanh toán đối với 03 Hợp đồng nêu trên.

Tại biên bản hòa giải ngày 10/4/2026, đại diện theo pháp luật của Công ty E1 đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện để không chấp nhận tiền lãi.

3. Tại phiên tòa sơ thẩm:

3.1. Eurowindow giao nộp bản Công văn số 18/CV2025 ngày 31/12/2025 của Công ty E1 về việc xin giảm lãi. Đồng thời vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện theo ủy quyền của E xác nhận kể từ sau khi ký 03 Biên bản nghiệm thu và thanh quyết toán của 03 Hợp đồng cho đến khi E khởi kiện Công ty E1 ra Tòa án thì không có bất kỳ văn bản, tài liệu gì thể hiện E và Công ty E1 xác nhận nợ tồn đọng với nhau.

Tuy nhiên, sau khi E1 khởi kiện, ngày 31/12/2025, Công ty E1 có Công văn số 18/CV2025 ngày 31/12/2025 xác nhận công nợ với E. Tiếp theo đến ngày 04/02/2026 Công ty E1 trả 20.000.000 đồng tiền gốc và ngày 02/4/2026 Công ty E1 trả 30.000.000 đồng tiền gốc còn nợ cho E. Theo Điều 157 Bộ luật Dân sự quy định về thời hiệu khởi kiện vụ án thì vụ án này chưa hết thời hiệu khởi kiện. Vì vậy

đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện của Công ty E1.

3.2. Công ty E1 vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 52/2026/KDTM-ST ngày 02/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Hà Nội quyết định:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty E1 đối với Công ty E1 về việc "Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng".

2/ Không chấp nhận yêu cầu của Công ty E1 buộc Công ty E1 phải thanh toán số tiền lãi tính đến ngày 02/6/2026.

3/ Buộc Công ty E1 thanh toán cho Công ty E1 tổng số tiền nợ gốc của Hợp đồng kinh tế số 15104375/2015/HĐKT (1516100/15104375/DA) ngày 04/12/2015, Hợp đồng Kinh tế số 1617427/16103094/DA ngày 21/9/2016, Hợp đồng Mua bán số 1810053/16103097/DA ngày 21/01/2018 được ký kết giữa hai bên là **120.672.757 đồng**, trong đó:

- Nợ gốc của Hợp đồng kinh tế số 15104375/2015/HĐKT (1516100/15104375/DA) ngày 04/12/2015 là 6.634.328 đồng.

- Nợ gốc của Hợp đồng kinh tế số 1617427/16103094/DA ngày 21/09/2016 là 25.965.532 đồng.

- Nợ gốc của Hợp đồng mua bán số 1810053/16103097/DA ngày 21/1/2018 là 88.072.896 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu, bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất 0,05%/ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm trên số tiền chậm thanh toán cho đến khi thanh toán hết nợ trên thực tế.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền thi hành án và kháng cáo theo quy định của pháp luật.

4. Sau khi xét xử sơ thẩm:

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, nguyên đơn là Công ty E1 kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 52/2026/KDTM-ST ngày 02/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Hà Nội theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần E1, với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán do đã hết thời hiệu khởi kiện là không đúng.

Kèm đơn kháng cáo, người kháng cáo không có tài liệu, chứng cứ bổ sung.

5. Tại cấp phúc thẩm:

Các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, cụ thể như sau:

5.1 Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần E1 trình bày kháng cáo như sau:

Công ty E1 kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm thanh toán đã hết thời hiệu khởi kiện là không đúng, vì trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty E1 đã nhiều lần xác nhận nghĩa vụ trả nợ, trong đó có Công văn số 18/CV2025 ngày 31/12/2025 xác nhận số tiền còn phải thanh toán cho E là 170.672.757 đồng; sau đó, ngày 04/02/2026 và ngày 02/04/2026 tiếp tục thanh toán tổng cộng 50.000.000 đồng, còn nợ gốc 120.672.757 đồng. Do đó, theo nguyên đơn, thời hiệu khởi kiện đã được bắt đầu lại theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên tại thời điểm nguyên đơn yêu cầu thanh toán tiền lãi, yêu cầu này vẫn còn thời hiệu.

Nguyên đơn đồng thời cho rằng trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện về tiền lãi đã hết thời hiệu thì phải đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này và trả lại tiền tạm ứng án phí, theo điểm e khoản 1 Điều 217 và khoản 3 Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chứ không phải bác yêu cầu khởi kiện và buộc nguyên đơn chịu án phí. Vì vậy, nguyên đơn cho rằng phần án phí của bản án sơ thẩm là không đúng quy định pháp luật.

Về yêu cầu cụ thể, nguyên đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc Công ty E1 thanh toán tổng số tiền nợ gốc và lãi chậm thanh toán của 03 Hợp đồng, tạm tính đến ngày 02/6/2026 là 382.279.428 đồng, trong đó nợ gốc 120.672.757 đồng và tiền lãi chậm thanh toán 261.606.671 đồng; đồng thời tiếp tục trả lãi trên số tiền chậm thanh toán theo mức 0,05%/ngày cho đến khi thanh toán hết nợ trên thực tế.

5.2 Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Tại Văn bản số 05/CV2026 ngày 21/8/2026 về việc xin hòa giải, Công ty E1 trình bày:

Bị đơn thừa nhận còn phải thanh toán cho Công ty E1 số tiền 120.672.757 đồng nhưng đến nay chưa thanh toán. Bị đơn cho rằng nguyên nhân chậm thanh toán là do khó khăn về tài chính, ảnh hưởng của dịch Covid-19, lạm phát, các dự án cũ quyết toán chậm và không có dự án mới.

Về phương án thanh toán: Bị đơn đề nghị hòa giải và cam kết thanh toán khoản nợ gốc theo 03 đợt: Chậm nhất 30/9/2026: 30.000.000 đồng; Chậm nhất 31/10/2026: 40.000.000 đồng; Chậm nhất 30/11/2026: 50.672.757 đồng.

Về tiền lãi: Bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu trả lãi của E, cho rằng thời hiệu khởi kiện đã hết theo Điều 319 Luật Thương mại nên không đồng ý trả tiền lãi.

6. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội trình bày quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ thủ tục thụ lý vụ án, mở phiên tòa và tại phiên tòa xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và trình bày của các đương sự tại phiên tòa có cơ sở xác định:

Giữa Công ty E1 và Công ty E1 có ký kết 03 hợp đồng về cung cấp, lắp đặt sản phẩm cửa E cho các công trình của Công ty E1. Thực hiện hợp đồng, Công ty E1 đã hoàn thành việc cung cấp, lắp đặt; các bên đã lập biên bản nghiệm thu và thanh quyết toán đối với cả 03 công trình. Hiện nay, các bên không có tranh chấp và đều xác nhận về số tiền nợ gốc này là **120.672.757 đồng**.

Công ty E1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các hợp đồng đã ký kết nên phải có trách nhiệm trả lãi đối với khoản tiền chậm trả theo thỏa thuận của các bên và quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện, ngày 31/12/2025, Công ty E1 ban hành Công văn số 18/CV2025 gửi Eurowindow, trong đó xác nhận công nợ giữa hai bên là 170.672.757 đồng và đề nghị Eurowindow xem xét giảm tiền lãi. Đồng thời, Công ty E1 còn tiếp tục thực hiện một phần nghĩa vụ trả nợ, cụ thể: Ngày 04/02/2026, thanh toán 20.000.000 đồng; Ngày 02/04/2026, thanh toán 30.000.000 đồng. Do đó, thời hiệu đối với yêu cầu khởi kiện của E được tính lại từ ngày 01/01/2026 theo khoản 1, 2 Điều 157 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của E đã hết thời hiệu khởi kiện, từ đó không chấp nhận yêu cầu thanh toán tiền lãi của E là không đúng.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty E1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa một phần bản án sơ thẩm.

Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên Công ty E1 không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét về thủ tục kháng cáo:

- Về thủ tục tố tụng:

Ngày 11/6/2026, Tòa án nhân dân Khu vực 6- Hà Nội nhận được Đơn kháng cáo đề ngày 09/6/2026 của Công ty E1 đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 52/2026/KDTM-ST ngày 02/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Hà Nội. Đơn kháng cáo do người đại diện theo pháp luật của Công ty ký. Người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Do đó, việc kháng cáo là hợp lệ và Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Về người tham gia tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có mặt theo Giấy triệu tập; bị đơn tiếp tục có đơn xin vắng mặt, không tham dự phiên tòa. Xét thấy, vụ án đã hoãn phiên tòa theo đơn xin vắng mặt của bị đơn nên phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các đương sự có cơ sở xác định:

2.1 Công ty cổ phần E1 và Công ty cổ phần E1 ký 03 hợp đồng về cung cấp, lắp đặt sản phẩm cửa E cho các công trình:

- *Hợp đồng số 15104375/2015/HĐKT ngày 04/12/2015:* giá trị quyết toán 192.822.450 đồng; Biên bản nghiệm thu, thanh quyết toán ký ngày 08/9/2016. Công ty E1 đã thanh toán 186.188.122 đồng, còn nợ **6.634.328 đồng**.

- *Hợp đồng số 1617427/16103094/DA ngày 21/9/2016:* giá trị quyết toán 212.632.199 đồng; Biên bản nghiệm thu, thanh quyết toán ký ngày 25/02/2017. Công ty E1 đã thanh toán 186.666.667 đồng, còn nợ **25.965.532 đồng**.

- *Hợp đồng số 1810053/16103097/DA ngày 21/01/2018:* giá trị quyết toán 200.978.977 đồng; Biên bản nghiệm thu, thanh quyết toán ký ngày 14/12/2018. Công ty E1 đã thanh toán 112.906.081 đồng, còn nợ **88.072.896 đồng**.

Xét thấy: Các Hợp đồng cung cấp và lắp đặt các sản phẩm cửa E cho Công ty E1 để lắp đặt, trang bị cho công trình được Công ty E1 và Công ty E1 xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có hình thức và nội dung, mục đích không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp. Các bên tự nguyện thực hợp đồng, đã lập Biên bản nghiệm thu, thanh quyết toán,

không có tranh chấp và kháng cáo về tính pháp lý của việc xác lập, ký kết và thực hiện quyết toán hợp đồng nên có hiệu lực pháp luật.

2.2 Về số tiền nợ gốc phải thanh toán của hợp đồng:

Quá trình thực hiện hợp đồng thể hiện Eurowindow đã hoàn thành việc cung cấp, lắp đặt; các bên đã lập biên bản nghiệm thu và thanh quyết toán đối với cả 03 công trình. Theo các biên bản này, giá trị phải thanh toán của các hợp đồng lần lượt là 192.822.450 đồng, 212.632.199 đồng và 200.978.977 đồng. Công ty E1 đã thực hiện thanh toán nhiều lần nhưng chưa thanh toán hết nghĩa vụ, còn nợ E lần lượt 6.634.328 đồng, 25.965.532 đồng và 88.072.896 đồng, tổng cộng 120.672.757 đồng.

Hiện nay, các bên không có tranh chấp và đều xác nhận về số tiền nợ gốc này nên có cơ sở xác định số tiền nợ gốc Công ty E1 còn phải thanh toán là **120.672.757 đồng**.

2.3 Về yêu cầu số tiền lãi phải thanh toán:

2.3.1 Về thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu tiền lãi: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quyền và lợi ích hợp pháp của E bị xâm phạm lần lượt vào các thời điểm ngày 24/01/2017, ngày 03/03/2017 và ngày 20/01/2020; từ đó cho rằng đến thời điểm khởi kiện ngày 31/12/2024, thời hiệu khởi kiện 02 năm theo Điều 319 Luật Thương mại năm 2005 đã hết.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Tài liệu có trong hồ sơ thể hiện tại Đơn khởi kiện đề ngày 27/12/2024 của Eurowindow gửi Tòa án yêu cầu Công ty E1 phải thanh toán số tiền công nợ là **170.672.757 đồng**. Ngày **31/12/2025**, Công ty E1 ban hành **Công văn số 18/CV2025** gửi Eurowindow, trong đó xác nhận công nợ giữa hai bên là **170.672.757 đồng** và đề nghị Eurowindow xem xét giảm tiền lãi.

Công văn số 18/CV2025 không phải là tài liệu do E đơn phương lập ra mà là văn bản do chính bên có nghĩa vụ là Công ty E1 lập và gửi cho chủ thể có quyền, thể hiện việc Công ty E1 thừa nhận nghĩa vụ tài chính chưa hoàn thành đối với Công ty E1. Việc Công ty E1 đề nghị giảm tiền lãi cho thấy Công ty E1 không phủ nhận việc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán mà đang đề nghị bên có quyền xem xét giảm nghĩa vụ tài chính phát sinh do việc chậm thanh toán. Công văn số 18/CV2025 là sự kiện bên có nghĩa vụ thừa nhận nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện, thuộc trường hợp quy định **tại điểm a khoản 1 Điều 157 Bộ luật Dân sự năm 2015**. Do đó, thời hiệu đối với yêu cầu khởi kiện của E được tính lại từ **ngày 01/01/2026** theo khoản 2 Điều 157 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Mặt khác, Công ty E1 còn tiếp tục thực hiện một phần nghĩa vụ trả nợ, cụ

thể: Ngày 04/02/2026, thanh toán 20.000.000 đồng; Ngày 02/04/2026, thanh toán 30.000.000 đồng. Hành vi thực tế này thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 157 Bộ luật Dân sự năm 2015, theo đó thời hiệu khởi kiện cũng bắt đầu lại khi bên có nghĩa vụ thừa nhận hoặc thực hiện một phần nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện.

- Tại thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, yêu cầu áp dụng thời hiệu của Công ty E1 được đưa ra tại biên bản hòa giải ngày 10/4/2026, sau khi có Công văn số 18/CV2025 ngày 31/12/2025 và Công ty E1 đã thực hiện một phần nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện, tức là sau thời điểm đã làm phát sinh sự kiện bắt đầu lại thời hiệu.

Như vậy, thời hiệu đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty E1 đã được tính lại từ **ngày 01/01/2026** theo khoản 1, 2 Điều 157 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của E đã hết thời hiệu khởi kiện, từ đó không chấp nhận yêu cầu thanh toán tiền lãi của E là không đúng.

Do đó, yêu cầu kháng cáo của Công ty E1 về thời hiệu khởi kiện là có căn cứ.

2.3.2 Công ty E1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các hợp đồng đã ký kết. Việc Công ty E1 chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán làm phát sinh trách nhiệm trả lãi đối với khoản tiền chậm trả theo thỏa thuận của các bên và quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

Đối với các hợp đồng tranh chấp, các bên đã có thỏa thuận về lãi chậm thanh toán với mức **0,05%/ngày** đối với hai hợp đồng đầu; đối với Hợp đồng số 1810053/16103097/DA, mặc dù hợp đồng thỏa thuận mức 0,1%/ngày, Eurowindow chỉ yêu cầu tính lãi theo mức 0,05%/ngày. Đây là mức có lợi cho Công ty E1 và nằm trong phạm vi thỏa thuận mà nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo hướng dẫn tại Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, đối với tranh chấp thuộc Điều 306 Luật Thương mại, trường hợp các bên có thỏa thuận khác thì áp dụng mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên. Do đó, về nguyên tắc, Công ty E1 phải chịu lãi chậm thanh toán đối với số tiền gốc chậm trả theo mức 0,05%/ngày như yêu cầu của E.

2.3.3 Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận kháng cáo của E, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận **yêu cầu khởi kiện của** Eurowindow buộc Công ty E1 phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán, cụ thể như sau:

Tổng số tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến 02/6/2026 là: **261.606.671 đồng**. Trong đó:

- Hợp đồng số 15104375/2015/HĐKT (1516100/15104375/DA) ngày

04/12/2015: **45.880.168 đồng.**

- Hợp đồng số 1617427/16103094/DA ngày 21/09/2016: **71.268.152 đồng.**

- Hợp đồng số 1810053/16103097/DA ngày 21/1/2018: **144.458.350 đồng.**

Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 157 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 97; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244, Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280, Điều 298, khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ Điều 50, Điều 55, Điều 74, Điều 306, Điều 319 Luật Thương mại năm 2005.

- Căn cứ Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty cổ phần E1. Sửa bản án sơ thẩm, X:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần E1 đối với Công ty cổ phần E1 về việc "Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng".

2. Buộc Công ty cổ phần E1 thanh toán cho Công ty cổ phần E1 tổng số tiền nợ của Hợp đồng kinh tế số 15104375/2015/HĐKT (1516100/15104375/DA) ngày 04/12/2015, Hợp đồng Kinh tế số 1617427/16103094/DA ngày 21/9/2016, Hợp đồng Mua bán số 1810053/16103097/DA ngày 21/01/2018 được ký kết giữa hai bên là: **382.279.427 đồng** (Ba trăm tám mươi hai triệu, hai trăm bảy mươi chín nghìn, bốn trăm hai mươi bảy đồng), trong đó: Tổng tiền nợ gốc là: **120.672.757**

đồng. Tổng số tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến 02/6/2026 là: **261.606.670 đồng.** Cụ thể như sau:

- Hợp đồng kinh tế số 15104375/2015/HĐKT (1516100/15104375/DA) ngày 04/12/2015: Nợ gốc: **6.634.328 đồng** và nợ lãi **45.880.168 đồng.**

- Hợp đồng kinh tế số 1617427/16103094/DA ngày 21/09/2016: Nợ gốc: **25.965.532 đồng** và nợ lãi **71.268.152 đồng.**

- Hợp đồng mua bán số 1810053/16103097/DA ngày 21/1/2018: Nợ gốc: **88.072.896 đồng** và nợ lãi **144.458.350 đồng.**

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty cổ phần E1 còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất 0,05%/ngày trên số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí

3.1 Về án phí sơ thẩm:

- Công ty cổ phần E1 phải chịu **19.291.177 đồng** (*Mười chín triệu hai trăm chín mươi một nghìn một trăm bảy mươi bảy đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả Công ty cổ phần E1 số tiền tạm ứng án phí **9.626.000 đồng** (*Chín triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng*), đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015433 ngày 07/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3.2 Về án phí phúc thẩm

Hoàn trả Công ty cổ phần E1 **2.000.000 đồng** (*Hai triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, đã nộp theo biên lai số 0000787 ngày 09/7/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND Khu vực 6 – Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực 6 – Hà Nội;
- Các Đường sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN**

- Lưu Hồ sơ.

Bùi Đức Bằng